

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 206/QĐ-UBND

Hương Trà, ngày 30 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất, tài sản gắn liền với đất và mồ mã cho các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư ảnh hưởng GPMB Dự án: Nâng cấp, mở rộng đường Ven Sông Bồ, đoạn qua xã Hương Toàn, thị xã Hương Trà (Đợt 1)

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2014 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành quy định về trình tự, thủ tục thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 80/2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế Ban hành bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế áp dụng trong thời gian 5 năm 2020 - 2024;

Căn cứ Quyết định số 65/2020/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành đơn giá nhà, công trình, vật kiến trúc và các loại mồ mã trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;



✓

Căn cứ Quyết định số 36/2021/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Công văn số 5235/UBND-NĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc quản lý việc di dời mồ mả bị ảnh hưởng khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 36/2021/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế Ban Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế áp dụng trong thời gian 05 năm (2020 - 2024);

Căn cứ Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế Ban hành hệ số điều chỉnh đơn giá nhà, công trình, vật kiến trúc và các loại mồ mả trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Ban hành quy định đơn giá cây trồng làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 490/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thị xã Hương Trà;

Căn cứ Quyết định số 755/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện 20 công trình, dự án trong năm 2023 địa bàn thị xã Hương Trà;

Căn cứ Quyết định số 2451/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt Dự án: Nâng cấp, mở rộng đường ven sông Bồ (đoạn Tứ Hạ - Hương Văn - Hương Xuân - Hương Toàn);

Căn cứ Thông báo số 3715/TB-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2022 của UBND thị xã Hương Trà về việc Thông báo thu hồi đất để thực hiện giải phóng mặt bằng Dự án: Nâng cấp, mở rộng đường ven sông Bồ, đoạn qua các phường: Tứ Hạ, Hương Văn và xã Hương Toàn, thị xã Hương Trà.

Xét Tờ trình số 271/TTr-PTQĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã về việc đề nghị thẩm định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất, tài sản gắn liền với đất và mồ mả cho các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư bị ảnh hưởng giải phóng mặt bằng Dự án: Nâng cấp, mở rộng đường Ven Sông Bồ, đoạn qua xã Hương Toàn, thị xã Hương Trà;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Hương Trà tại Tờ trình số 881 /TTr-TNMT ngày 16 tháng 6 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất, tài sản gắn liền với đất và mồ mả cho các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư bị ảnh hưởng giải phóng mặt bằng Dự án: Nâng cấp, mở rộng đường Ven Sông Bồ, đoạn qua xã Hương Toàn, thị xã Hương Trà (Đợt 1) như sau:

Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất, tài sản gắn liền với đất và mồ mả cho các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư phê duyệt là: **1.193.062.000** đồng. (Bằng chữ: Một tỷ, một trăm chín mươi ba triệu, không trăm sáu mươi hai ngàn đồng). Trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền với đất phê duyệt là: **459.191.000** đồng.

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ về mồ mả phê duyệt là: **733.871.000** đồng.

(Có các phụ lục 1,2 chi tiết kèm theo).

Điều 2. Giao trách nhiệm cho Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Hương Toàn gửi Quyết định phê duyệt đến các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có đất, tài sản gắn liền với đất và mồ mả bị ảnh hưởng; thực hiện việc niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Hương Toàn, nhà sinh hoạt cộng đồng nơi có đất, tài sản gắn liền với đất và mồ mả bị ảnh hưởng, đồng thời tổ chức việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có tên tại Điều 1 của Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND thị xã; Trưởng các phòng: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã; Chủ tịch UBND xã Hương Toàn; Giám đốc Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực thị xã Hương Trà; Thủ trưởng các cơ quan liên quan và các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- TT HĐND thị xã;
- CT và các PCT.UBND thị xã;
- Công thông tin điện tử;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Duy Hùng

PHỤ LỤC 1: PHÊ DUYẾT PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỒ TRỢ VỆ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT CỦA CÁC HỘ

GIẤY ĐINH CÁ NHÂN ANH HƯNG GPMB DỰ ÁN: NÂNG CẤP, MỞ RỘNG ĐƯỜNG VEN SÔNG BÒ, ĐOẠN QUA XÃ HƯƠNG TOÀN, THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ (ĐỢT 1)

Kèm theo Quyết định số: 806 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Hương Trà)



Stt	Chức sử dụng đất; Loại tài sản và loại đất	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (7)-(8)	(10)	Vị trí đồng bằng	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)		
																			Số thửa đất (CPMB)	Loại đất (m2)
1	Hoàng Tăng Bảo Quốc (là người đại diện thừa kế của bà Nguyễn Thị Hoa)																			
	Về tài sản:																			
	Lúa thuần			m2	75,3									3 830	1		288 000	288 000		
	Về đất:																			
	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)			m2		9	1	371,3	75,3	296,0	Đã được UBND thị xã Hương Trà cấp giấy CNQSD đất số BT 978338, cấp ngày 20/10/2015 cho bà Nguyễn Thị Hoa tại thửa đất số 32, TĐĐ 27, diện tích: 371,3 m2; loại đất: đất chuyên trồng lúa nước. Nay bà Nguyễn Thị Hoa đã chết, ông Hoàng Tăng Bảo Quốc đại diện thừa kế quyền sử dụng đất đang trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp, có nguồn thu nhập thường xuyên từ sản xuất đất nông nghiệp. Trong hộ gia đình có 01 nhân khẩu, không có cả nhân nào là cán bộ, công chức, viên chức (đang làm việc hoặc nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thời việc được hưởng trợ cấp).			VT1	33 000	1		2 485 000	2 485 000	
	Hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất:																			
	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5,0 lần giá đất trồng lúa nước đối với diện tích đất thu hồi là đất trồng lúa nước.			m2					75,3					33 000	5		12 425 000	12 425 000		
2	Phạm Thị Cúc (Trang)																			
	Về tài sản:																			
	Lúa thuần			m2	72,9									3 830	1		279 000	279 000		
	Về đất:																			
	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)			m2		10	1	294,8	72,9	221,9	Đã được UBND thị xã Hương Trà cấp giấy CNQSD đất số BT 978313, cấp ngày 20/10/2015 tại thửa đất số 26, TĐĐ 27, diện tích: 295,8 m2; loại đất: đất chuyên trồng lúa nước. Là hộ gia đình đang trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp, có nguồn thu nhập thường xuyên từ sản xuất đất nông nghiệp. Trong hộ gia đình có 06 nhân khẩu, không có cả nhân nào là cán bộ, công chức, viên chức (đang làm việc hoặc nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thời việc được hưởng trợ cấp).			VT1	33 000	1		2 406 000	2 406 000	

STT	Chủ sử dụng đất; Loại tài sản và loại đất	Đơn vị tính	Số lượng tài sản hệ ảnh hưởng	Bản đồ địa chính khu đất (GPMB)		Tổng diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích thửa hỏi (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Nguồn gốc sử dụng đất được UBND xã Hương Toàn xác nhận	Vị trí đồng bàng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Giá trị thẩm định (đồng)	Giá trị phê duyệt (đồng)	Ghi chú
				Số thửa	Từ hạn đề											
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)= (7)-(8)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	
	Hỗ trợ khai Nhà nước thu hồi đất:															
	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5,0 lần giá đất trồng lúa nước đối với diện tích đất thu hồi là đất trồng lúa nước.	m2					72,9				33 000	5	12 029 000	12 029 000		
3	Phan Văn Cử - Phạm Thị Ngọc Lan													99 341 000	99 341 000	
	Về tài sản:															
	Lúa thuần	m2	492,2								3 830	1	1 885 000	1 885 000		
	Về đất:															
	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	m2		13	1	866,0	492,2	373,8			33 000	1	16 243 000	16 243 000	Bồi thường, hỗ trợ 18,8 m ² đất còn lại mạnh mùn, không sản xuất được theo đơn hộ gia đình, cá nhân	
	Hỗ trợ khai Nhà nước thu hồi đất:															
	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5,0 lần giá đất trồng lúa nước đối với diện tích đất thu hồi là đất trồng lúa nước.	m2					492,2				33 000	5	81 213 000	81 213 000		
4	Hoàng Tăng Kiểm - Phan Thị Lệ Hồng													13 625 000	13 625 000	
	Về tài sản:															
	Lúa thuần	m2	67,5								3 830	1	259 000	259 000		
	Về đất:															
	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	m2		15	1	308,6	67,5	241,1			VT1	33 000	1	2 228 000	2 228 000	

Đã được UBND thị xã Hương Trà cấp giấy CNQSD đất số BT 948651, cấp ngày 20/10/2015 tại thửa đất số 14, TĐD 26; diện tích: 866,0 m²; loại đất: đất chuyên trồng lúa nước. Là hộ gia đình đang trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp, có nguồn thu nhập thường xuyên từ sản xuất đất nông nghiệp. Trong hộ gia đình có 05 nhân khẩu, không có cả nhân nào là cán bộ, công chức, viên chức (đang làm việc hoặc nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thời việc được hưởng trợ cấp).

Đã được UBND thị xã Hương Trà cấp giấy CNQSD đất số BT 978199, cấp ngày 20/10/2015 tại thửa đất số 27, TĐD 27; diện tích: 308,6 m²; loại đất: đất chuyên trồng lúa nước. Là hộ gia đình đang trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp, có nguồn thu nhập thường xuyên từ sản xuất đất nông nghiệp. Trong hộ gia đình có 07 nhân khẩu, không có cả nhân nào là cán bộ, công chức, viên chức (đang làm việc hoặc nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thời việc được hưởng trợ cấp).

STT	Chú sử dụng đất: Loại tài sản và loại đất	Đơn vị tỉnh	Số lượng bị ảnh hưởng	Bản đồ địa chính khu (GPMB)		Tổng diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích thửa hồi (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Nguồn gốc sử dụng đất được UBND xã Hương Trà xác nhận	Vị trí đồng hàng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Giá trị thảm định (đồng)	Giá trị phê duyệt (đồng)	Ghi chú
				Số thửa	Tờ bản đồ										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (7)-(8)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
	Hồ trợ khi Nhà nước thu hồi đất														
	Hồ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5,0 lần giá đất trồng lúa nước đối với diện tích đất thu hồi là đất trồng lúa nước.						67,5				33 000	5	11 138 000	11 138 000	
5	Phạm Hữu Ba - Hoàng Thị Chính												27 712 000	27 712 000	
	Vê tài sản:														
	Lúa thuận		m2			137,3					3 830	1	526 000	526 000	
	Vê đất:														
	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)		m2		18	1	659,7	137,3	522,4	VT1	33 000	1	4 531 000	4 531 000	
	Hồ trợ khi Nhà nước thu hồi đất:														
	Hồ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5,0 lần giá đất trồng lúa nước đối với diện tích đất thu hồi là đất trồng lúa nước.						137,3				33 000	5	22 655 000	22 655 000	
6	Dương Văn Hân - Phạm Thị Huyền												47 470 000	47 470 000	
	Vê tài sản:														
	Lúa thuận		m2			323,3					3 830	1	1 238 000	1 238 000	
	Vê đất:														
	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)		m2		23	1	666,3	323,3	343,0	VT1	33 000	1	10 669 000	10 669 000	



Đã được UBND thị xã Hương Trà cấp giấy CNQSD đất số BT 892928, cấp ngày 01/7/2015 tại thửa đất số 24 TBD 26, diện tích: 666,3 m²; loại đất: đất chuyên trồng lúa nước. Là hộ gia đình đang trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp, có nguồn thu nhập thường xuyên từ sản xuất đất nông nghiệp. Trong hộ gia đình có 03 nhân khẩu, trong đó có 01 nhân khẩu là cán bộ, công chức, viên chức (đang làm việc hoặc nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thời việc được hưởng trợ cấp).

STT	Chức sử dụng đất: Loại tài sản và loại đất	Đơn vị tính	Số lượng tài sản bị ảnh hưởng	Bản đồ địa chính khu đất (GPMB)		Tổng diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích thửa hỏi (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Nguồn gốc sử dụng đất được UBND xã Hương Tồn xác nhận	Vị trí đồng bằng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Giá trị thẩm định (đồng)	Giá trị phê duyệt (đồng)	Ghi chú
				Số thửa	Tờ bản đồ										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (7)-(8)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
	Hỗ trợ khai Nhà nước thu hồi đất:														
	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Mức hỗ trợ bằng 5,0 lần giá đất trồng lúa nước đối với diện tích đất thu hồi là đất trồng lúa nước. Hộ gia đình có 03 nhân khẩu, trong đó có 01 nhân khẩu là cán bộ, công chức, viên chức và 02 nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức. Tỷ lệ hỗ trợ = 100% (1/3 * 100%) = 66,67%	m2					323,3				33 000	5	35 563 000	35 563 000	Tỷ lệ hỗ trợ bằng 66,67%
7	Phan Văn Hoàng - Phạm Thị Phúc												15 823 000	15 823 000	
	Về tài sản:														
	Lúa thằn	m2	78,4							3 830	1	300 000	300 000		
	Về đất:														
	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	m2		39	1	744,6	78,4	666,2	Đã được UBND thị xã Hương Trà cấp giấy CNQSD đất số BT 892936, cấp ngày 20/10/2015 tại thửa đất số 46, TĐD 26, diện tích: 744,6 m ² ; loại đất: đất chuyên trồng lúa nước. Là hộ gia đình đang trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp, có nguồn thu nhập thương xuyên từ sản xuất đất nông nghiệp. Trong hộ gia đình có 04 nhân khẩu, không có cá nhân nào là cán bộ, công chức, viên chức (đang làm việc hoặc nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thời việc được hưởng trợ cấp)	VTT	33 000	1	2 587 000	2 587 000	
	Hỗ trợ khai Nhà nước thu hồi đất:														
	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Mức hỗ trợ bằng 5,0 lần giá đất trồng lúa nước đối với diện tích đất thu hồi là đất trồng lúa nước.	m2					78,4				33 000	5	12 936 000	12 936 000	
8	Phan Thị Thuýết												140 580 000	140 580 000	
	Về tài sản:														
	Lúa thằn	m2	806,4							3 830	1	3 089 000	3 089 000		



Stt	Chủ sử dụng đất Loại tài sản và loại đất	Đơn vị tính thanh	Số lượng tài sản khả ảnh hưởng	Bản đồ địa chính khu đất (CPMB)		Tổng diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Nguồn gốc sử dụng đất được UBND xã Hương Toàn xác nhận	Vị trí đồng bằng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Giá trị thẩm định (đồng)	Giá trị phê duyệt (đồng)	Ghi chú
				Số thửa	Tờ bản đồ										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (7)-(8)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
	<i>Về đất:</i>														
	Đất chuyên trồng lúa nước (LUU)	m2	41	1	3 943,6	806,4	3 137,2	Đã được UBND thị xã Hương Trà cấp giấy CNQSD đất số BT 927892, cấp ngày 20/10/2015 tại thửa đất số 785, TĐĐ 26, diện tích: 3943,6 m ² ; loại đất: đất chuyên trồng lúa nước. Là hộ gia đình đang trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp, có nguồn thu nhập thường xuyên từ sản xuất đất nông nghiệp. Trong hộ gia đình có 06 nhân khẩu, trong đó có 01 nhân khẩu là cán bộ, công chức, viên chức (đang làm việc hoặc nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thời việc được hưởng trợ cấp).	VT1	33 000	1	26 611 000	26 611 000		
	<i>Hỗ trợ khai Nhà nước thu hồi đất:</i>														
	<i>Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5,0 lần giá đất trồng lúa nước đối với diện tích đất thu hồi là đất trồng lúa nước. Hộ gia đình có 06 nhân khẩu, trong đó có 01 nhân khẩu là cán bộ, công chức, viên chức và 05 nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức.</i> Tỷ lệ hỗ trợ = 100% - (1/6*100%) = 83,33%	m2				806,4				33 000	5	110 880 000	110 880 000		
9	Phạm Thị Dương (Là người đại diện thừa kế của bà Phan Thị Hải)												84 728 000	84 728 000	
	<i>Về tài sản:</i>														
	Lúa thuần	m2	419,8							3 830	1	1 608 000	1 608 000		
	<i>Về đất:</i>														
	Đất chuyên trồng lúa nước (LUU)	m2	5	1	2 131,9	419,8	1 712,1	Đã được UBND huyện (nay là thị xã) Hương Trà cấp giấy CNQSD đất số AH 952898, cấp ngày 10/01/2008 cho bà Phan Thị Hải tại thửa đất số 287, TĐĐ 07, diện tích: 2342,0 m ² . Nay bà Phan Thị Hải đã chết, bà Phạm Thị Dương đại diện thừa kế quyền sử dụng đất, là hộ gia đình đang trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp, có nguồn thu nhập thường xuyên từ sản xuất đất nông nghiệp. Trong hộ gia đình có 01 nhân khẩu, không có cá nhân nào là cán bộ, công chức, viên chức (đang làm việc hoặc nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thời việc được hưởng trợ cấp).	VT1	33 000	1	13 853 000	13 853 000	Bồi thường, hỗ trợ 74,9 m ² đất còn lại mạnh mẽ, không được theo đơn của hộ gia đình, cá nhân	

Stt	Chú sử dụng đất; Loại tài sản và loại đất	Đơn vị tính	Số lượng tài sản bị ảnh hưởng	Bản đồ địa chính khu đất (CPMB)		Tổng diện tích đền bù (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Nguồn gốc sử dụng đất được UBND xã Hương Toàn xác nhận	Vị trí đồng bằng	Đơn giá (đồng)	Số lượng	Giá trị thẩm định (đồng)	Giá trị phê duyệt (đồng)	Ghi chú
				Số thửa	Tờ bản đồ										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (7)-(8)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
	Hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5.0 lần giá đất trồng lúa nước đối với diện tích đất thu hồi là đất trồng lúa nước.	m ²				419,8					33 000	5	69 267 000	69 267 000	
Tổng cộng: 09 hộ gia đình, cá nhân															
													459 191 000	459 191 000	

(Bảng chữ: Bốn trăm năm mươi chín triệu, một trăm chín mươi mốt ngàn đồng)

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ

PHỤ LỤC 2: PHÊ DUYẾT PHƯƠNG ÁN BỎ THƯỜNG, HỖ TRỢ VỀ MÔ MẢ CHO CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN VÀ CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ ẢNH HƯỞNG GPMB DỰ ÁN: NÂNG CẤP, MỞ RỘNG ĐƯỜNG VEN SÔNG BÒ, ĐOÀN QUẠ XÃ HƯƠNG TOÀN, THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ, TỈNH THỪA THIÊN HUỆ (ĐỢT 1)

Kèm theo Quyết định số 806/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Hương Trà)




(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
Stt	Mã số	Họ và tên; Loại mô mã	Địa chỉ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Giá trị thẩm định (đồng)	Giá trị phê duyệt (đồng)	Ghi chú
1	PL3-II-3	Hoàng Văn Song Mô xây không có thành bao, an tầng trên 5 năm. Mô có phần nầm xây hình chữ nhật, mặt bệ mô có diện tích: $S=(3,2*2)=6,4m^2$.	Thôn Cổ Lão xã Hương Toàn	mô	1	3 960 000	1,182	4 682 000	4 682 000	Đã tính hỗ trợ 180.000 đ/m ² phần diện tích mô xây >2,5m ²
2	PL3-II-3	Dương Văn Thành Mô xây không có thành bao, an tầng trên 5 năm. Mô có phần nầm xây hình chữ nhật, mặt bệ mô có diện tích: $S=(1,3*2,3)=2,99m^2$.	Thôn Cổ Lão xã Hương Toàn	mô	1	3 346 000	1,182	3 956 000	3 956 000	Đã tính hỗ trợ 180.000 đ/m ² phần diện tích mô xây >2,5m ²
3	PL3-I-3	Phạm Hữu Dương Mô nầm đất an tầng trên 5 năm. Diện tích mô <9m ²	Thôn Cổ Lão xã Hương Toàn	mô	1	1 980 000	1,182	2 341 000	2 341 000	
4	PL3-I-3	Mô nầm đất an tầng trên 5 năm, mô có hình tròn, đường kính mô 6,2m. Diện tích mô: $S=(3,14*3,1^2)=30,2m^2$	Thôn Cổ Lão xã Hương Toàn	mô	1	4 140 000	1,182	4 895 000	4 895 000	Đã tính hỗ trợ 102.000 đ/m ² phần diện tích mô đất >9m ²
5	PL3-II-6	Hoàng Văn Vinh Mô xây không có thành bao, an tầng trên 5 năm. Mô có phần nầm xây hình tròn, đường kính 2,8m, mặt bệ mô có diện tích: $S=(3,14*1,4^2)=6,15m^2$	Thôn Cổ Lão xã Hương Toàn	mô	1	4 527 000	1,182	5 353 000	5 353 000	Đã tính hỗ trợ 180.000 đ/m ² phần diện tích mô xây >2,5m ²
5	PL3-IV-1-12-E	Phạm Văn Cho Lăng xây có kiến trúc đơn giản: có nhà bia, bình phong, trụ bia, móng đá, thành xây gạch dày 25cm, cao <1,2m. Diện tích: $S=(6,3*4,3)$. Trong lăng có 01 mộ an táng trên 5 năm.	Thôn Cổ Lão xã Hương Toàn	m ²	27,1	1 247 000	1,182	39 944 000	39 944 000	

Stt	Mã số	Họ và tên; Loại mô mã	Địa chỉ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Giá trị thẩm định (đồng)	Giá trị phê duyệt (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	PL3-I-3	Mộ nằm đất trong làng an táng trên 5 năm.		mộ	1	1 980 000	1,182	2 341 000	2 341 000	
	PL3-IV-1-1-2-C	Làng xây có kiến trúc đơn giản: có nhà bia, bình phong, trụ biểu, móng đá, thành xây gạch dày 25cm, cao <1,2m. Diện tích: S=(5,3*3,1). Trong làng có 01 mộ an táng trên 5 năm.		m ²	16,4	1 530 000	1,182	29 724 000	29 724 000	
	PL3-I-3	Mộ nằm đất trong làng an táng trên 5 năm.		mộ	1	1 980 000	1,182	2 341 000	2 341 000	
	PL1-6-3	Gạch men ốp quanh lăng, bề mặt: S=(2,6*3,9)+(6,5*0,5)		m ²	13,4	339 000	1,182	5 367 000	5 367 000	
	PL3-II-3	Mộ xây không có thành bao, an táng trên 5 năm. Mộ có phần nằm xây hình chữ nhật, mặt bề mặt có diện tích: S=(2,6*1,8)=4,68m ² .		mộ	1	3 650 000	1,182	4 316 000	4 316 000	Đã tính hỗ trợ 180.000 đ/m ² phần diện tích mộ xây >2,5m ²
6		Phạm Văn Đông	Thôn Cổ Lão xã Hương Toàn							
	PL3-III-1-1-C	Làng xây có kiến trúc đơn giản: không có nhà bia, bình phong, trụ biểu, móng đá, thành xây bờ lô dày 15cm, cao <1,2m. Diện tích: S=(4,2*3,7). Trong làng có 01 mộ an táng trên 5 năm.		m ²	15,54	1 291 000	1,182	23 722 000	23 722 000	
	PL3-I-3	Mộ nằm đất trong làng an táng trên 5 năm.		mộ	1	1 980 000	1,182	2 341 000	2 341 000	
	PL3-IV-1-1-1-F	Làng mộ xây có kiến trúc đơn giản: có nhà bia, bình phong, trụ biểu, móng đá, thành xây bờ lô dày 20cm, cao <1,2m. Diện tích: S=(6,5*5). Trong làng có 01 mộ an táng trên 5 năm.		m ²	32,5	936 000	1,182	35 970 000	35 970 000	
	PL3-I-3	Mộ nằm đất trong làng an táng trên 5 năm.		mộ	1	1 980 000	1,182	2 341 000	2 341 000	
	PL3-II-6	Mộ xây không có thành bao. Mộ có phần nằm xây hình tròn, đường kính 2,6m, mặt bề mặt có diện tích: S=(1,3*3,14)=5,3m ² . Mộ an táng trên 5 năm		mộ	1	4 374 000	1,182	5 172 000	5 172 000	Đã tính hỗ trợ 180.000 đ/m ² phần diện tích mộ xây >2,5m ²
	PL3-I-3	Mộ nằm đất an táng trên 5 năm, mộ có hình tròn, đường kính 3,6m. Diện tích mỗi mộ: S=(1,8*3,14)=10,17m ² .		mộ	2	2 100 000	1,182	4 966 000	4 966 000	Đã tính hỗ trợ 102.000 đ/m ² phần diện tích mộ đất >9m ²

Stt	Mã số	Họ và tên; Loại mô nhà	Địa chỉ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Giá trị thẩm định (đồng)	Giá trị phê duyệt (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	PL3-I-3	Mô nấm đất an tầng trên 5 năm. Diện tích mỗi mô <9m ²	Thôn Cổ Lão Xã Hương Toàn	mô	10	1 980 000	1,182	23 412 000	23 412 000	
7	PL3-II-3	Mô xây không có thành bao, an tầng trên 5 năm. Mô có phần nấm xây hình chữ nhật, mặt bệ mô có diện tích: S=(3,5*1,8)=6,3m ² .		mô	1	3 942 000	1,182	4 661 000	4 661 000	Đã tính hỗ trợ 180.000 đ/m ² phần diện tích mô xây >2,5m ²
	PL1-6-3	Gạch men ốp quanh mô: S=(1,8*1,5)*2+(1,5*2)+(5,8*0,5)+(3,5*1,8)-(2*0,8)		m ²	16,0	339 000	1,182	6 414 000	6 414 000	
	PL3-I-3	Mô nấm đất an tầng trên 5 năm. Diện tích mô <9m ²	Thôn Cổ Lão Xã Hương Toàn	mô	1	1 980 000	1,182	2 341 000	2 341 000	
8	Phạm Văn Thường							43 229 000	43 229 000	
	PL3-II-3	Mô xây không có thành bao, an tầng trên 5 năm. Mô có phần nấm xây hình chữ nhật, mặt bệ mô có diện tích: S=(3,1*3)=9,3m ² .		mô	1	4 482 000	1,182	5 300 000	5 300 000	Đã tính hỗ trợ 180.000 đ/m ² phần diện tích mô xây >2,5m ²
	PL1-6-3	Gạch men ốp quanh mô: S=(1,3*2,6)*2+(2,8*3)		m ²	15,2	339 000	1,182	6 077 000	6 077 000	
	PL1-7-4	Móng chân đất xây bờ ló, có ló trấu: V=(21,6*0,2*0,5)	m ³	2,16	2 173 000	1,182	5 550 000	5 550 000		
	PL3-II-7	Mô chỉ an tầng trên 5 năm		mô	1	2 444 000	1,182	2 890 000	2 890 000	
	PL3-I-3	Mô nấm đất an tầng trên 5 năm. Diện tích mỗi mô <9m ²	Thôn Sơn Quả Xã Phong Sơn	mô	10	1 980 000	1,182	23 412 000	23 412 000	
9	Phạm Văn Thọ							16 801 000	16 801 000	
	PL3-II-3	Mô xây không có thành bao, an tầng trên 5 năm. Mô có phần nấm xây hình chữ nhật, mặt bệ mô có diện tích: S=(2,6*3,4)=8,84m ² .		mô	1	4 399 000	1,182	5 202 000	5 202 000	Đã tính hỗ trợ 180.000 đ/m ² phần diện tích mô xây >2,5m ²
	PL3-II-6	Mô xây không có thành bao, an tầng trên 5 năm. Mô có phần nấm xây hình tròn, đường kính 1,4m, mặt bệ mô có diện tích: S=(0,7*3,14)=1,54m ² .		mô	1	3 869 000	1,182	4 575 000	4 575 000	

Stt	Mã số	Họ và tên; Loại mô mã	Địa chỉ	Dvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Giá trị thẩm định (đồng)	Giá trị phê duyệt (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	PL3-I-3	Mộ nầm đất an táng trên 5 năm. Diện tích mỗi mộ <9m ²		mộ	3	1 980 000	1,182	7 024 000	7 024 000	
10		Hoàng Tăng Hai	Thôn Cổ Lão xã Hương Toàn					44 729 000	44 729 000	
	PL3-IV-1-1-E	Lăng xây có kiến trúc đơn giản: có nhà bia, bình phong, trụ biểu, móng đá, tường bao xây gạch dày 20cm, cao <1,2m. Diện tích: S=(4,3*6,3). Trong lăng có 01 mộ an táng trên 5 năm.		m ²	27,1	1 104 000	1,182	35 364 000	35 364 000	
	PL3-I-3	Mộ nầm đất trong lăng an táng trên 5 năm.		mộ	1	1 980 000	1,182	2 341 000	2 341 000	
	PL3-I-3	Mộ nầm đất an táng trên 5 năm. Diện tích mỗi mộ <9m ²		mộ	3	1 980 000	1,182	7 024 000	7 024 000	
11		Văn Hữu Dương	Thôn Cổ Lão xã Hương Toàn					5 547 000	5 547 000	
	PL3-II-6	Mộ xây không có thành bao, an táng trên 5 năm. Mộ có phần nầm xây hình tròn, đường kính 3m, mặt bệ mộ có diện tích: S=(1,5*3,14)=7,07m ² .		mộ	1	4 691 000	1,182	5 547 000	5 547 000	Đã tính hỗ trợ 180.000 đ/m ² phần diện tích mộ xây >2,5m ²
12		Phan Văn Tài	Thôn Cổ Lão xã Hương Toàn					16 017 000	16 017 000	
	PL3-II-3	Mộ xây không có thành bao, an táng trên 5 năm. Mộ có phần nầm xây hình chữ nhật, mặt bệ mộ có diện tích: S=(3,4*2,9)=9,86m ² .		mộ	1	4 583 000	1,182	5 419 000	5 419 000	Đã tính hỗ trợ 180.000 đ/m ² phần diện tích mộ xây >2,5m ²
	PL3-II-6	Mộ xây không có thành bao, an táng trên 5 năm. Mộ có phần nầm xây hình tròn, đường kính 2,8m, mặt bệ mộ có diện tích: S=(1,4*3,14)=6,15m ² .		mộ	1	4 527 000	1,182	5 353 000	5 353 000	Đã tính hỗ trợ 180.000 đ/m ² phần diện tích mộ xây >2,5m ²
	PL3-I-3	Mộ nầm đất an táng trên 5 năm. Diện tích mỗi mộ: S=(1,9*1,9*3,14)=11,34m ²		mộ	2	2 218 000	1,182	5 245 000	5 245 000	Đã tính hỗ trợ 102.000 đ/m ² phần diện tích mộ đất >9m ²
13		Phan Văn Tài	Thôn Cổ Lão xã Hương Toàn					2 341 000	2 341 000	
	PL3-I-3	Mộ nầm đất an táng trên 5 năm. Diện tích mỗi mộ <9m ²		mộ	1	1 980 000	1,182	2 341 000	2 341 000	

Stt	Mã số	Họ và tên; Loại mô nhà	Địa chỉ	Dvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Giá trị thẩm định (đồng)	Giá trị phê duyệt (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
14	PL3-IV-1.1-E PL3-IV-1.1-B 01, mặt an táng trên 5 năm.	 Phạm Văn Khả Làng xây có kiến trúc đơn giản: có nhà bia, bình phong, trụ biểu, móng đá, tường xây gạch dày 20cm, cao 80cm. Diện tích: S=(2,8*5,0). Trong làng có 01, mặt an táng trên 5 năm.	Thôn Cổ Lão xã Hương Toàn	m ²	14,0	1 559 000	1,182	25 808 000	25 808 000	28 149 000
15	PL3-I-3 PL3-II-6 PL3-II-3 PL3-II-3 PL3-II-6 PL3-II-3	Phạm Văn Hùng Mộ xây không có thành bao, an táng trên 5 năm. Mộ có phần nằm xây hình tròn, đường kính 1,6m, mặt bê mộ có diện tích: S=(0,8*3,14)=2,01m ² . Mộ xây không có thành bao, an táng trên 5 năm. Mộ có phần nằm xây hình tròn, đường kính 2,8m, mặt bê mộ có diện tích: S=(1,4*3,14)=6,15m ² . Mộ xây không có thành bao, an táng trên 5 năm. Mộ có phần nằm xây hình chữ nhật, mặt bê mộ có diện tích: S=(3,6*2,6)=8,58m ² . Mộ xây không có thành bao, an táng trên 5 năm. Mộ có phần nằm xây hình chữ nhật, mặt bê mộ có diện tích: S=(3,6*1,8)=6,48m ² .	Thôn Cổ Lão xã Hương Toàn	mộ	1	1 980 000	1,182	2 341 000	2 341 000	
16	PL3-II-7 PL3-II-6 PL3-I-3 PL3-II-7 PL3-IV-1.1-E PL3-I-3	Hoàng Công Kháng Mộ xây không có thành bao, an táng trên 5 năm. Mộ có phần nằm xây hình tròn, đường kính 2,4m, mặt bê mộ có diện tích: S=(1,2*3,14)=4,52m ² . Mộ nằm đất an táng trên 5 năm. Diện tích mộ < 9m ² . Mộ chỉ an táng trên 5 năm. Làng xây có kiến trúc đơn giản: có nhà bia, bình phong, trụ biểu, móng đá, tường bao xây gạch dày 22cm, cao < 1,2m. Diện tích: S=(4,3*6,3). Trong làng có 01 mặt an táng trên 5 năm. Mộ nằm đất trong làng an táng trên 5 năm.	Thôn Cổ Lão xã Hương Toàn	mộ	5	2 444 000	1,182	14 449 000	14 449 000	
								50 831 000	50 831 000	
								5 005 000	5 005 000	Đã tính hỗ trợ 180.000 đ/m ² phần diện tích mộ xây > 2,5m ²
								2 341 000	2 341 000	
								5 780 000	5 780 000	
								35 364 000	35 364 000	
								2 341 000	2 341 000	

Stt	Mã số	Họ và tên; Loại mô mã	Địa chỉ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Giá trị thẩm định (đồng)	Giá trị phê duyệt (đồng)	Ghi chú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	
17	PL3-IV-1-1.2-E PL3-I-3 PL3-II-6 PL3-II-7 PL3-I-3	Phạm Văn Trụ Lăng xây có kiến trúc đơn giản: có nhà bia, bình phong, trụ biểu, móng đá, thành xây bờ lô dày 25cm, cao 80cm. Diện tích: S=(7,3*4,0). Trong lăng có 01 mộ an táng trên 5 năm. Mộ nằm đất trong lăng an táng trên 5 năm. Mộ xây không có thành bao, an táng trên 5 năm. Mộ có phần nắm xây hình tròn, đường kính 2,6m, mặt bệ mộ có diện tích: S=(1,3*3,14)=5,31m ² . Mộ chi an táng trên 5 năm Mộ nằm đất an táng trên 5 năm. Diện tích mỗi mộ <9m ²	Thôn Cổ Lão Xã Hương Toàn	m ² mộ mộ mộ mộ	29,2 1 1 2 2	1 247 000 1 980 000 4 374 000 2 444 000 1 980 000	1,182 1,182 1,182 1,182 1,182	43 055 000 2 341 000 5 172 000 5 780 000 4 682 000	61 030 000 43 055 000 2 341 000 5 172 000 5 780 000 4 682 000	Đã tính hỗ trợ 180.000 đ/m ² phần diện tích mộ xây >2,5m ²	
18	PL3-I-3	Phái 3 họ Phan Văn (do ông Phan Văn Bôi đại diện) Mộ nằm đất an táng trên 5 năm. Diện tích mỗi mộ <9m ²	Thôn Cổ Lão Xã Hương Toàn	mộ	17	1 980 000	1,182	39 801 000	39 801 000		
19	PL3-I-3	Cộng đồng dân cư thôn Cổ Lão (do Ông Phạm Văn Tỉnh - Trưởng thôn đại diện) Mộ nằm đất an táng trên 5 năm. Diện tích mỗi mộ <9m ²	Thôn Cổ Lão Xã Hương Toàn	mộ	65	1 980 000	1,182	152 180 000	152 180 000		
Tổng cộng: 19 hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư									733 871 000	733 871 000	

(Bảng chữ: Bảy trăm ba mươi ba triệu, tám trăm bảy mươi một ngàn đồng)

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ

Số: 350/TB-PTQĐ

Hương Trà, ngày 05 tháng 7 năm 2023

THÔNG BÁO
Về việc công khai Quyết định bồi thường, hỗ trợ

Thực hiện Quyết định số 806/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2023 của UBND thị xã Hương Trà về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất, tài sản gắn liền với đất và mồ mã cho các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư ảnh hưởng GPMB Dự án: Nâng cấp, mở rộng đường ven sông Bồ, đoạn qua xã Hương Toàn, thị xã Hương Trà (Đợt 1).

Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã Hương Trà thông báo công khai Quyết định số 806/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2023 của UBND thị xã Hương Trà để cho các hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư được biết.

- Thời gian công khai:

+ Kể từ ngày 06 tháng 7 năm 2023 đến thời điểm kết thúc việc thu hồi đất.

- Địa điểm, hình thức công khai:

+ Niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã Hương Toàn và tại Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn nơi có đất thu hồi.

Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã sẽ phối hợp với UBND xã Hương Toàn và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư bị ảnh hưởng.

(Ghi chú: Thời gian, địa điểm tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ UBND xã Hương Toàn có giấy mời trực tiếp đến hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư bị ảnh hưởng).

Nơi nhận:

- UBND xã Hương Toàn;
- Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư bị ảnh hưởng;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Cao Xi